

STT	Khu vực, vị trí	Ranh giới, vị trí	Giá đất
VIII	KV3	Xã Hòa Tú 1	
1	VT5	Giới hạn bởi: Giáp ranh Long Hòa, dọc theo kênh 10 Yên ra sông Đĩnh đến kênh Tư và ranh xã Ngọc Đông, Ngọc Tổ và Hòa Tú 2	40
2	VT6	Khu vực còn lại	35
IX	KV3	Xã Hòa Tú 2	
1	VT5	Toàn bộ diện tích đất trồng cây lâu năm của xã	40
X	KV3	Xã Ngọc Đông	
1	VT5	Toàn bộ diện tích đất trồng cây lâu năm của xã	40
XI	KV3	Xã Ngọc Tổ	
1	VT5	Khu vực đất trồng cây lâu năm ở ấp Cỏ Cò	40
2	VT6	Khu vực còn lại	35
B	HUYỆN MỸ TÚ		
I	KV2	Thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa.	
1	VT2	Phía Đông giáp sông Tân Lập; phía Tây giáp kênh Bộ Thon, kênh 1/5, kênh Ông Nam, kênh Bá Hộ; phía Nam giáp kênh số 1, ranh xã Mỹ Tú; phía Bắc giáp kênh Trà Cú Cạn, rạch Ô Rô, rạch Xẻo Lá	60
2	VT3	Phía Đông giáp ranh xã Mỹ Hương; phía Tây giáp sông Tân Lập; phía Nam giáp kênh Ô Quên; phía Bắc giáp ranh xã Long Hưng ----- Phía Đông giáp kênh Bá Hộ, kênh Ông Nam, kênh 1/5; phía Tây giáp ranh xã Mỹ Tú; phía Nam giáp kênh Trà Cú Cạn; phía Bắc giáp ranh xã Long Hưng	55
3	VT4	Phía Đông giáp ranh xã Thuận Hưng; phía Tây giáp sông Tân Lập; phía Nam giáp ranh xã Mỹ Tú; phía Bắc giáp kênh Ô Quên ----- Phía Đông giáp kênh Bộ Thon; phía Tây giáp ranh xã Mỹ Tú và kênh Chòm Tre; phía Nam giáp ranh xã Mỹ Tú; phía Bắc giáp kênh Trà Cú Cạn	50
4	VT5	Các vị trí còn lại	45
II	KV3	Xã Mỹ Hương	
1	VT3	Phía Đông giáp ranh huyện Châu Thành, ranh xã Thuận Hưng; phía Tây giáp Đường Tỉnh 939B, ranh thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa, ranh xã Thuận Hưng; phía Nam giáp ranh xã Thuận Hưng; phía Bắc giáp ranh huyện Châu Thành	50
3	VT4	Các vị trí còn lại	45

STT	Khu vực, vị trí	Ranh giới, vị trí	Giá đất
III	KV3	Xã Mỹ Phước	
1	VT3	Phía Đông giáp kênh 8 Tinh; phía Tây giáp ranh thị xã Ngã Năm; phía Nam giáp kênh Bờ bao Lâm Trường; phía Bắc giáp kênh xáng Mỹ Phước	50
2	VT4	Phía Đông giáp ranh xã Mỹ Tú, kênh Thầy Bảy; phía Tây giáp ranh thị xã Ngã Năm; phía Nam giáp kênh xáng Mỹ Phước; phía Bắc giáp ranh xã Hưng Phú	45
3	VT5	Phía Đông giáp ranh xã Mỹ Thuận; phía Tây giáp kênh Thầy Bảy, kênh 8 Tinh; phía Nam giáp kênh Bờ Bao cũ; phía Bắc giáp kênh xáng Mỹ Phước, ranh xã Mỹ Tú ----- Phía Đông giáp kênh Lung lớn, kênh 3 Trung; phía Tây giáp kênh Bảy Thước; phía Nam giáp kênh Xóm Tiệm; phía Bắc giáp kênh Lung lớn	40
4	VT6	Khu vực còn lại (khu vực Lâm Trường trả cho dân)	35
IV	KV3	Xã Mỹ Thuận	
1	VT3	Phía Đông giáp ranh xã Thuận Hưng, dọc sông Nhu Gia; phía Tây giáp đường Tỉnh 940; phía Nam giáp kênh Tam Sóc, ranh huyện Thạnh Trị; phía Bắc giáp kênh Tà Liêm, ranh xã Mỹ Tú	50
2	VT4	Phía Đông giáp ranh xã Thuận Hưng; phía Tây giáp ranh xã Mỹ Tú; phía Nam giáp kênh nổi Tà Liêm; phía Bắc giáp ranh xã Thuận Hưng và ranh xã Mỹ Tú ----- Phía Đông giáp ranh xã Thuận Hưng và ranh xã Phú Mỹ; phía Tây giáp sông Nhu Gia; phía Nam giáp ranh huyện Mỹ Xuyên; phía Bắc giáp kênh Tam Sóc ----- Phía Đông giáp đường Tỉnh 940; phía Tây và phía Nam giáp huyện Thạnh Trị; phía Bắc giáp kênh Bao Lâm Trường	45
3	VT5	Các vị trí còn lại	40
V	KV3	Xã Thuận Hưng	
1	KV3	Phía Đông giáp đường Tỉnh 939; phía Tây giáp ranh xã Mỹ Thuận; phía Nam giáp kênh Tam Sóc; phía Bắc giáp kênh Nổi Tà Liêm	50
2	VT4	Phía Đông giáp ranh huyện Châu Thành và ranh xã Mỹ Hương; phía Tây giáp kênh Tam Bình, kênh Nhà Trường, rạch Nhu Gia, rạch Cái Chiết; phía Nam giáp kênh nổi Tà Liêm, ranh xã Mỹ Thuận; phía Bắc giáp ranh xã Mỹ Hương và thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa ----- Phía Đông giáp đường Tỉnh 939; phía Tây giáp ranh xã Mỹ Thuận; phía Nam giáp ranh xã Phú Mỹ; phía Bắc giáp kênh Tam Sóc	45
3	VT5	Các vị trí còn lại	40



STT	Khu vực, vị trí	Ranh giới, vị trí	Giá đất
VI	KV2	Xã Long Hưng	
1	VT2	Phía Đông và Phía Nam giáp vòng cung Quốc Lộ Quản Lộ Phụng Hiệp; phía Tây giáp kênh 1/5. Phía Bắc giáp ranh tỉnh Hậu Giang	55
2	VT4	Phía Đông giáp ranh huyện Châu Thành, kênh nông Trại 1/5, kênh Hàng Sắn; phía Tây giáp Kênh Đập Đá, kênh 1/5, ranh thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa; phía Nam giáp ranh thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa, ranh xã Mỹ Hương; phía Bắc giáp ranh tỉnh Hậu Giang, vòng cung Quốc Lộ Quản Lộ Phụng Hiệp	45
3	VT5	Phía Đông giáp xã Hồ Đắc Kiện, xã Thiện Mỹ; phía Tây giáp kênh Hàng Sắn, kênh Lý; phía Nam giáp ranh xã Mỹ Hương; phía Bắc giáp kênh Tân Phước, giáp ranh xã Hồ Đắc Kiện	40
4	VT6	Các vị trí còn lại	35
VII	KV3	Xã Hưng Phú	
1	VT3	Phía Đông giáp ranh xã Long Hưng; phía Tây giáp ranh thị xã Ngã Năm; phía Nam giáp kênh 1000, kênh Tư Lý, kênh ba Cường, kênh Cô Ba; phía Bắc giáp kênh Quản lộ Phụng Hiệp	50
2	VT4	Các vị trí còn lại	45
VIII	KV3	Xã Mỹ Tú	
1	VT3	Phía Đông giáp ranh thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa; phía Tây giáp ranh xã Mỹ Phước; phía Nam giáp kênh Trà Cú Cạn; phía Bắc giáp kênh 500 ----- Phía Đông giáp kênh Xáng Mỹ Hòa và rạch Nhu Gia; phía Tây giáp đường Tỉnh 940; phía Nam ranh xã Mỹ Thuận; phía Bắc giáp ranh thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa	50
2	VT4	Phía Đông giáp ranh thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa; phía Tây giáp ranh xã Mỹ Phước; phía Nam giáp kênh 500; phía Bắc giáp ranh xã Hưng Phú ----- Phía Đông giáp ranh thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa, đường Tỉnh 940; phía Tây giáp ranh xã Mỹ Phước; phía Nam giáp kênh 5 Ngòi, kênh Tư, rạch Cây Cồng; phía Bắc giáp kênh Trà Cú Cạn, ranh thị trấn Huỳnh Hữu Nghĩa	45
3	VT5	Các vị trí còn lại	40
IX	KV3	Xã Phú Mỹ	
1	VT3	Phía Đông giáp ranh thành phố Sóc Trăng, ranh huyện Mỹ Xuyên. Phía Tây giáp ranh huyện Châu Thành, ranh xã Thuận Hưng, rạch Bó Thào cũ. Phía Nam giáp kênh Phú Mỹ 1. Phía Bắc giáp ranh huyện Châu Thành	50
2	VT4	Các vị trí còn lại	45